

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1598/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 05 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 3 dự án: Nâng cấp, cải tạo tỉnh lộ 130
(San Thàng – Thèn Sin – Mường So)**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy
định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài
nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi
Nhà nước thu hồi đất;
Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND
tỉnh Lai Châu Về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện
thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa
bàn tỉnh Lai Châu;
Căn cứ Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của UBND thành phố
Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần
3 dự án: Nâng cấp đường tỉnh lộ 130 (San Thàng – Thèn Sin – Mường So);
Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai
Châu tại Tờ trình số 678/TTr-TNMT ngày 30 / 8 /2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Lý Văn Long – Cư trú tại: Bản Lùng Than, xã San Thàng, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 14.210.506 đồng.

*(Bằng chữ: Mười bốn triệu hai trăm mười nghìn năm trăm linh sáu đồng)
(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).*

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã San Thàng.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ

thì hộ gia đình ông Lý Văn Long có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- BQLDA Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Lai Châu;
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

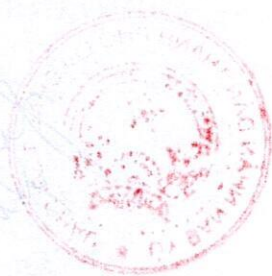
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêng



BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ BỔ SUNG LẦN 3

Dự án: Nâng cấp, cải tạo tỉnh lộ 130 (San Thành - Thèn Sin - Mường So)

(Kèm theo Quyết định số: 1598 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Họ và tên: Lý Văn Long (hiện trạng ông Lò Văn Dũng đang sử dụng)				
	Địa chỉ thường trú: Bản Lũng Than - xã San Thành				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d).				14,210,506
a	Về đất				486,500
1	Diện tích thu hồi	m ²	13.9		
2	Loại đất:				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m ²	13.9	35,000	486,500
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc: Thửa đất số 83, tờ BĐ số 4 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BM089069 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 16/10/2013 mang tên ông Lý Văn Long. Hiện ông Lò Văn Dũng đang quản lý sử dụng 1 phần vào mục đích đất ở nông thôn. Phần diện tích 5.8 m² đang chồng lấn lên thửa 474 TĐĐ 4 đất DGT do UBND xã quản lý. Hiện trạng gia đình ông Lý Văn Long đang quản lý sử dụng có cùng nguồn gốc với giấy chứng nhận đã cấp. Nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác. Đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp.				
b	Về tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản trên đất của ông Lý Văn Long do ông Lò Văn Dũng tạo lập năm 2010. Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản sử dụng ổn định, không tranh chấp, tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất. Tài sản sử dụng sai mục đích sử dụng đất. Hỗ trợ bằng 50% do xây dựng trên đất nông nghiệp không đúng mục đích sử dụng đất theo điểm c khoản 7 điều 21 QĐ 16/QĐ-UBND)				11,544,506
1	Hàng rào sắt hộp (3.1*1.2)	m ²	3.7	302,500	1,125,300
2	Cổng sắt (3*1.9)	m ²	5.7	412,500	2,351,250
3	Trụ cổng xây gạch bi (0.4*0.5*2.1)*2	m ²	0.8	273,350	229,614
4	Tường xây gạch bi T12cm (0.4*2.1)	m ²	0.8	63,800	53,592
5	Tường xây gạch bi T12cm (3.1*1.1)	m ²	3.4	63,800	217,558
6	Trát VXM không đánh màu (0.4*2.1)*2+(3.1*1.1)*2	m ²	8.5	31,900	271,150
7	Kè đá xếp khan (5*0.3*0.4)*2	m ²	1.2	70,950	85,140
8	Tường xây gạch bi T12cm (2.7*2.3)	m ²	6.2	63,800	396,198
9	Trát VXM không đánh màu (2.7*2.3)*2		12.4	27,500	341,550
10	Nền BT đá dăm dày 10 cm (3.1*1.9)	m	5.9	41,800	246,202
11	Bó bờ xây hoàn chỉnh	m	10.0	24,200	242,000
12	Bóc tách hồ nước				0
13	Tường xây gạch bi T12cm (2.8*0.7)	m ²	2.0	63,800	125,048
14	Trát VXM không đánh màu (2.8*0.7)*2		3.9	27,500	107,800
15	Nền BT đá dăm dày 10 cm (0.7*0.7)	m ²	0.5	41,800	20,482
16	Ống HPDE φ 63	m	110.0	40,909	4,499,990
17	Ống HPDE φ 75	m	10.0	72,000	720,000
	Tài sản ảnh hưởng không sử dụng được				



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
18	Nền BT đá dăm dày 10 cm (7.2*1.7)	m ²	12.2	41,800	511,632
c	Về cây cối hoa màu				720,000
1	Cây đào R=1-2m	cây	2.0	360,000	720,000
2	Rau màu gói vụ	m2	4.0	9,600	
d	Về chính sách hỗ trợ				1,459,500
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	13.9	105,000	1,459,500



